TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long

2. Ông Nguyễn Ngọc Chẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2021/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồng Thị Khắc H, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành Tiến, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố P, phường Y, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vợ chồng ông Lê Văn S– sinh năm 1965, Phạm Thị H– sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Khu phố P, phường Y, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Hồng Thị Khắc H (chị H) trình bày: Chị H và anh Lê Thành T(anh T) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 01/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian khoảng hơn 02 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không hoàn thành trách nhiệm người chồng, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi và không muốn sống cùng vợ. Thời gian sau, anh T thường xuyên đi đánh bạc, ngoại tình, vợ chồng cãi vả, anh T đánh chị. Chị đã đưa con về nhà cha mẹ chị sống từ khi con chung được khoảng 08 tháng tuổi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T cùng bạn vào nhà mẹ chị, đánh chị và mẹ chị, đập phá nhà mẹ chị. Chị H xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019. Khi chị và anh T sống ly thân, chị đã đưa con về sống cùng nhà cha mẹ chị. Tuy nhiên, anh T dùng vũ lực đe dọa chị, bắt con chung về nhà cha mẹ anh T ở từ lúc con chung được hơn 10 tháng tuổi (sau ngày 11/01/2020) cho đến nay. Trong suốt thời gian này, anh T chỉ cho chị gặp thăm con một hai lần; sau đó, anh T và gia đình nhiều lần hăm dọa đánh chị, không cho chị gặp con. Trong thời gian anh T bị tạm giam trong vụ án ma túy, con chung do cha mẹ anh T nuôi dưỡng. Chị yêu cầu giao con cho chị nuôi, cha mẹ anh T không giao. Anh T nhân thân bị tạm giam trong vụ án ma túy, không có điều kiện và tư cách nuôi dạy con nên ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 anh Lê Thành T trình bày: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới năm 2019, sau khi sinh con mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân P, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ngày 01/7/2019. Sau khi cưới, anh và H sinh sống tại nhà cha mẹ hai bên, có ngày ở bên nhà chồng, có ngày ở bên nhà ngoại vì lúc cưới nhau H đã có thai được hơn một tháng. Anh và H sinh sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không có gì nghiêm trọng. Sau thời gian đăng ký kết hôn, anh và H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như H trình bày mà do anh và H bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Anh thừa nhận anh có lúc cờ bạc, rượu chè nhưng anh không đánh H, không ngoại tình. Đến khoảng cuối năm 2019, khi đó con được 07 tháng tuổi, H gọi anh bảo anh vào đưa con về nhà nội chơi vài ngày cho H nghỉ ngơi. Do con nhỏ hay khóc đêm, H không ngủ được thì anh đồng ý và đưa về nhà nội. Sau đó, H bỏ đi Nha Trang làm và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Kể từ cuối năm 2019 đến nay, anh và H không sống chung, mạnh ai nấy sống. Nay H yêu cầu ly hôn, anh không còn tình cảm với H nên đồng ý ly

hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019. Từ lúc con chung được 07 tháng tuổi, H giao con chung cho anh nuôi dưỡng; H không hề thăm con, quan tâm, nuôi dưỡng hay gửi tiền nuôi con chung từ lúc con 07 tháng tuổi đến nay. Hiện tại, anh đang bị tạm giam nên con chung đang ở cùng cha mẹ của anh là ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H. Anh không đồng ý yêu cầu giao con cho H nuôi dưỡng. Anh yêu cầu giao con cho anh nuôi dưỡng. Hiện anh đang bị tạm giam trong vụ án hình sự nên anh yêu cầu Tòa giao con chung cho cha mẹ ruột của anh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi anh được ra khỏi nơi giam giữ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H(vợ chồng ông S, bà H) trình bày: T, H có thai trước nên không tổ chức đám cưới, sống chung từ ngày 26/8/2018 đến tháng 02/2020 âm lịch tại gia đình ông bà. Đến tháng 02/2020 H về nhà cha mẹ ruột để sinh con. Khi cháu Lê Hồng P được khoảng 07 tháng tuổi, H đưa con về nhà vợ chồng ông bà sinh sống. Từ lúc cháu Phát được 07 – 08 tháng tuổi thì H 03 lần tự ý bỏ nhà đi, không có lời nói với vợ chồng ông bà. Lúc cháu P được 08 tháng tuổi, H tự ý bỏ đi khỏi nhà, ôm đồ đạc và ôm con về nhà cha mẹ ruột của H sinh sống. Khoảng 03 ngày sau, do vợ chồng ông bà nhớ cháu nên vào nhà cha mẹ H đón cháu về chơi. Thời gian đó, H đang bán shop quần áo nên có nói vợ chồng ông bà đón cháu về trông giúp nhưng đến chiều vẫn không thấy H đón con, không thấy H đưa tả bỉm, quần áo, sữa cho con nên T vào nhà cha mẹ H để lấy. Từ lúc cháu P 08 tháng tuổi đến nay, cháu P sống cùng T và vợ chồng ông bà. Trong khoảng thời gian đó, H có 01 lần bế con về, 03 ngày sau H ôm cháu P giao lại cho vợ chồng ông bà chăm sóc cho đến nay, H không có lần nào đến thăm cháu P, không gửi tiền phụ nuôi con chung. Nay Tiến đang bị tạm giam trong một vụ án khác nên vợ chồng ông bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, không đồng ý giao cháu P cho H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, được nuôi con chung Lê Hồng P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh T đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không đồng ý giao con cho H nuôi dưỡng, không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh được tại ngoại khoảng hơn 01 tháng, trong thời gian anh bị tạm giam, con chung anh ủy quyền cho ông bà nội là vợ chồng ông Sơn, bà Hiền nuôi dưỡng. Trong thời gian anh chấp hành án 06 tháng tù giam theo bản án hình sự phúc thẩm số 01/2021/HS-PT ngày 14/01/2021 về tội "Đánh bạc", anh tiếp tục ủy quyền cho vợ chồng ông Sơn, bà Hiền nuôi dưỡng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông S, bà H giữ nguyên ý kiến trình bày, hiện vợ chồng ông bà đang cùng T nuôi dưỡng cháu Phát, vợ chồng ông bà không đồng ý giao cháu P cho H nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Hồng Thị Khắc H và anh Lê Thành Tiến. Về con chung, buộc anh T và vợ chồng ông Sơn, bà Hiền giao con chung Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019 cho chị H nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị H phải chịu án phí HNGĐST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Khu phố P, phường Y, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 01/7/2019 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H, anh T chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ khi con chung được 08 tháng tuổi cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị H, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H, anh T tự nguyện thuận tình ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019. Trong thời gian chị H, anh T sống ly thân và sau đó bị tạm giam trong vụ án hình sự, con chung Lê Hồng P do vợ chồng ông Sơn, bà Hiền nuôi dưỡng. Theo chị H, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T đã dùng vũ lực bắt cháu Lê Hồng P. Chị yêu cầu anh T, vợ chồng ông Sơn, bà Hiền giao con cho chị nuôi dưỡng nhưng không được chấp nhận. Anh T, vợ chồng ông Sơn, bà Hiền không thừa nhận, cho rằng chị H giao đứt con cho vợ chồng ông bà nuôi dưỡng. Xét anh T đang có 01 tiền án về tội Đánh bạc, bị TAND tỉnh Phú Yên tuyên phạt 06 tháng tù giam theo bản án hình sự phúc thẩm số 01/2021/HS-PT ngày 14/01/2021, bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngày 14/01/2021; về nhân thân, anh T hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Sông Cầu khởi tố, điều tra về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 41 ngày 07/8/2020, Quyết định khởi tố bị can số 46 ngày 07/8/2020. Mặt khác, cháu Lê Hồng P sinh ngày 31/3/2019, thuộc quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình "…Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực

tiếp nuôi…". Đồng thời, theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 Luật Hôn nhân và gia đình, người có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đại diện cho con là cha mẹ của con, không phải ông bà nội ngoại. Do đó, chị H có yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, không chấp nhận ý kiến của anh T và vợ chồng ông Sơn, bà Hiền. Buộc anh T, vợ chồng ông S, bà H phải giao cháu Lê Hồng P cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H, anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Hồng Thị Khắc H và anh Lê Thành Tiến.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019. Giao cháu Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019 cho Chị Hồng Thị Khắc H nuôi dưỡng. Anh Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc anh Lê Thành T, vợ chồng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị H giao cháu Lê Hồng P - sinh ngày 31/3/2019 cho Chị Hồng Thị Khắc H trực tiếp nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Anh Lê Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn Chị Hồng Thị Khắc H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0000492 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND phường Xuân Phú (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ngọc Tiên